

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH B

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 22/5/2020.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Chu Thị Vân.

2. Ông A Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Lê – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B: Bà Đàm Thị Bé – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 (Số cũ: 148/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2020; Thông báo 35/TB-VP ngày 31/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện A về việc Phòng, chống dịch Covid và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh C, sinh năm 1991. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 1B, xã D, huyện A, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đ, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 1B, xã D, huyện A, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/12/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Thanh C trình bày:

- Chị Nguyễn Thị Thanh C và anh Nguyễn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã D, huyện A, tỉnh B cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 04 tháng 9 năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuần vì vợ chồng sống với nhau không còn tình cảm, Đ đã bỏ đi từ ngày 01/4/2014 đến nay. Do đó, nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

- Con chung: Có 01 con chung là Nguyễn An E, sinh ngày 11/3/2010.

Sau khi ly hôn Chị C có nguyện nuôi con và không yêu cầu Đ cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã đi xác minh về nơi cư trú của anh Nguyễn Đ, nhưng qua xác minh được biết Đ đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2014 đến nay. Khi đi không thông báo cho chính quyền địa phương. Vào ngày 14/11/2019 Tòa án đã có Quyết định sơ thẩm số 64/2019/QĐST –VDS giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích đối với anh Nguyễn Đ. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật và căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu quan điểm, hướng giải quyết vụ án và ý kiến về việc Thẩm phán, hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 17/12/2019 Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B đã thụ lý vụ án xin ly hôn của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh C. Xét thấy chị Nguyễn Thị Thanh C có nơi cư trú tại huyện A, tỉnh B và Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B là nơi tuyên bố anh Nguyễn Đ mất tích. Do đó, yêu cầu ly hôn của Chị C là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Chị Nguyễn Thị Thanh C và anh Nguyễn Đ đăng ký kết hôn ngày 04/9/2009 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện A, tỉnh B. Chị C và Đ đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm điều kiện kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thanh C và anh Nguyễn Đ là hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, theo lời khai của Chị C: Chị và anh Nguyễn Đ chung sống hạnh phúc đến tháng 04/2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Quá trình chung sống không còn tình cảm vợ chồng và Đ đã đi khỏi nhà từ năm 2014 đến nay.

[4] Xét thấy: Quá trình chung sống giữa Chị C và Đ luôn bất đồng quan điểm, anh chị không còn chung sống với nhau từ tháng 04/2014 đến nay. Đ cũng đã mất tích. Hơn nữa, từ khi Đ bỏ đi không còn liên lạc với Chị C, không còn chung sống với nhau đến nay mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai nữa. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ Đ đến Tòa để hòa giải cho vợ chồng trở về đoàn tụ nhưng Đ đã mất tích và không liên lạc được, đời sống chung

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh C là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Trong thời gian sống chung với nhau Chị C và Đ có 01 con chung là Nguyễn An E, sinh ngày 11/3/2010.

Hiện tại, cháu đang ở với Chị C và cháu còn đang nhỏ nên cần có sự nuôi dưỡng, chăm sóc của người mẹ. Hơn nữa, tại bản tự khai cháu có nguyện vọng ở với mẹ, và Đ cũng đã mất tích không thể nuôi dưỡng, chăm sóc cháu. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Giao 01 con chung cho Chị C được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập. Chị C không yêu Đ cấp dưỡng tiền nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Đ quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Thanh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015

Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 57 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” của chị Nguyễn Thị Thanh C đề ngày 16/12/2019.

Xử: Chị Nguyễn Thị Thanh C được ly hôn với anh Nguyễn Đ.

- Về con chung: Giao 01 con chung Nguyễn An E, sinh ngày 11/3/2010 cho Chị C được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Thanh C không yêu cầu Đ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Đ quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị Thanh C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba*

trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0000686 ngày 16/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh B. Chị C đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/5/2020) nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- TAND Cấp cao tại F;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS H. A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA